

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 399/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07-12-2017

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Kim Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/- Ông Nguyễn Nhật Thảo

2/- Ông Trần Thành Hiệp

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:  
Không tham gia.

Ngày **07** tháng **12** năm **2017** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *NguY đơn:* Chị **Hồ Thị Kiều L**, sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Tổ N, ấp H, xã H huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Phòng trọ C, nhà trọ N, khu Phố T, xã T, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hồng N**, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ N, ấp H, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn xin ly hôn, tờ tự khai cùng ngày 29/8/2017 nguY đơn chị Hồ Thị Kiều L trình bày:**

*Về hôn nhân:* Vợ chồng kết hôn với nhau vào năm 1999, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10

năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguY nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N tính tình khó khăn và gia trưởng, thường chửi mắng và ghen tuông vô cớ, nên cuộc sống vợ chồng luôn xảy ra bất hòa, không còn hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 9/2014 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hồng N.

**Về con chung:** Có 02 con chung là Nguyễn Văn Y, sinh ngày 27/9/2003 và Nguyễn Thị Tú S, sinh ngày 18/02/2009. Hiện nay cháu S đang sống với chị, còn cháu Y đang sống với anh N. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu S, còn cháu Y thì chị đồng ý để anh N được tiếp tục nuôi con. Chị không cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Không có.

**Tại tờ tự khai ngày 29/8/2016 bị đơn anh Nguyễn Hồng N trình bày:**

*Về hôn nhân:* Vợ chồng kết hôn với nhau vào năm 1999, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguY nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không đồng thuận trong việc làm ăn, xử lý nội bộ trong gia đình nên vợ chồng luôn xảy ra bất hòa, không còn hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 9/2014 cho đến nay.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Kiều L anh đồng ý ly hôn.

**Về con chung:** Có 02 con chung là Nguyễn Văn Y, sinh ngày 27/9/2003 và Nguyễn Thị Tú S, sinh ngày 18/02/2009. Hiện nay cháu S đang sống với chị L, còn cháu Y đang sống với anh. Sau khi ly hôn anh đồng ý để chị L được tiếp tục nuôi cháu S, còn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Y, anh không cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Không có.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:**

**Về thủ tục tố tụng:** Chị Hồ Thị Kiều L là nguY đơn trong vụ kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Hồ Thị Kiều L.

Anh Nguyễn Hồng N là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Hồng N.

**Về hôn nhân:** Chị Hồ Thị Kiều L và anh Nguyễn Hồng N kết hôn vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Do vậy, hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị L, anh N chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng ly thân cho đến nay, nguY nhân mâu thuẫn theo hai bên trình bày là không lớn song suốt thời gian ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn lại quan hệ tình cảm, qua lời khai cả hai bên đều mong muốn được ly hôn và hai bên đã tự thỏa thuận giải quyết về con cái và tài sản. Xét thấy khả năng hàn gắn là không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là hoàn toàn phù hợp.

- **Về con chung:** Có 02 con chung là Nguyễn Văn Y, sinh ngày 27/9/2003 và Nguyễn Thị Tú S, sinh ngày 18/02/2009. Hiện nay cháu S đang sống với chị L, còn cháu Y đang sống với anh N về cuộc sống vật chất và tinh thần của cháu Y, cháu S đã tạm ổn định. Tại tờ tự khai ngày 09/11/2017 cháu Y có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha và tại tờ tự khai ngày 25/10/2017 cháu S có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Do đó sau khi ly hôn nghĩ nên để chị L được nuôi cháu S, anh N được tiếp tục nuôi cháu Y là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con và anh N cũng không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

**Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

**Về nợ chung:** Không có, nên không đặt ra xem xét.

- **Về án phí:** Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 chị Hồ Thị Kiều L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

**Tuyên xử:**

- **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị Kiều L.

Chị Hồ Thị Kiều L được ly hôn với anh Nguyễn Hồng N.

- **Về con chung:** Chị Hồ Thị Kiều L được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Tú S, sinh ngày 18/02/2009. Anh Nguyễn Hồng N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Y, sinh ngày 27/9/2003. Anh Nguyễn Hồng N, chị Hồ Thị Kiều L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền tới lui, thăm nom con chung cho anh Nguyễn Hồng N, chị Hồ Thị Kiều L, không ai được cản trở.

- **Về án phí:** Chị Hồ Thị Kiều L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000931 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Chị Hồ Thị Kiều L, anh Nguyễn Hồng N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- VKSND huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh An Giang;
- THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký)

**Phan Thị Kim Hoa**